

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-4-2021

Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ
2. Ông Hoàng Đắc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-HGND, ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Minh T; địa chỉ: Thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Bùi Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong chuyện làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Minh T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Minh T có 01 con chung tên Bùi Minh Tuệ, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khi ly hôn nguyện vọng chị X là xin được nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Bùi Minh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung: Chị và anh Bùi Minh T không có T sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị Nguyễn Thị X xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn, về T sản chung vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn là anh Bùi Minh T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ nhân nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Bùi Minh T; Về con chung: Giao con chung tên Bùi Minh Tuệ cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng chăm sóc, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị X không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các T liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Minh T; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã LL và Công an xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2016, ngày 31 tháng 3 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân nhau. Nay chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị ổn định cuộc sống chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Minh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Bùi Minh T vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị Nguyễn Thị X xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. T liệu xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ được nữa. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Bùi Minh T.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Bùi Minh T có 01 con chung tên: Bùi Minh Tuệ, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khi ly hôn vì hiện nay con chung còn nhỏ để con ổn định cuộc sống, chị X đề nghị được nuôi con chung và con chung cũng có nguyện vọng muốn với chị X. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Minh T vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. T liệu xác minh tại địa phương xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Bùi Minh Tuệ, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Chị Nguyễn Thị X trình bày đề chị và anh Bùi Minh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án,

anh Bùi Minh T chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về T sản chung:

Chị Nguyễn Thị X trình bày vợ chồng không có T sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Minh T chưa có ý kiến trình bày về T sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Bùi Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Minh Tuệ, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị X đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015739, ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã LL, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

g;
y Nguyên;
ện Thủy Nguyên;
huyện TN;
n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ Nguyễn Thị Hương

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phù Ninh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã LL, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

